

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 13
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	14 - 15
Báo cáo kiểm toán độc lập	16 - 17
Báo cáo thu nhập	18
Báo cáo tình hình tài chính	19 - 20
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	21
Báo cáo danh mục đầu tư	22 - 23
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	24 - 25
Thuyết minh báo cáo tài chính	26 - 65

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank – Công ty Quản lý Quỹ	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024
Ông Vũ Quang Đông	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank – Công ty Quản lý Quỹ	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Mạc Quang Huy
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 34/GCN-UBCK ngày 12 tháng 5 năm 2014 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 13/GCN-UBCK ngày 22 tháng 8 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ chủ yếu là gia tăng phần vốn gốc trong trung hạn và dài hạn.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo Báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là 27,04% và 16,48% so với ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào danh mục cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với vốn hóa thị trường lớn và thanh khoản tốt. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn hơn hoặc bằng vốn hóa thị trường của cổ phiếu có vốn hóa nhỏ nhất trong rổ chỉ số VN30 của HSX.

Tỷ trọng phân bổ tài sản của Quỹ như sau:

Loại hình đầu tư	Mức độ rủi ro	Tỷ trọng trong giá trị tài sản ròng (NAV)
Cổ phiếu	Trung bình đến cao	Có thể đến 100%
Tiền	Gần như không có	Phần tiền chưa đầu tư

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình đến cao

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 13/GCN-UBCK ngày 22 tháng 8 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tổng giá trị tài sản ròng: 702.431.588.631 Việt Nam đồng.

Số lượng chứng chỉ quỹ: 19.641.874,53 chứng chỉ quỹ.

9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ

Quỹ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu có vốn hóa lớn trên sàn HSX và HNX nên thay đổi của VN100 Index được chọn là lợi nhuận tham chiếu.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Đại hội nhà đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận khả năng có đủ lợi nhuận để phân phối.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Phân bổ tài sản quỹ

Phân bổ tài sản quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (%)
Danh mục cổ phiếu	94,00	98,41	98,83
Tài sản khác	6,00	1,59	1,17
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SÓ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ)	702.431.588.631	387.650.368.858	337.665.037.993
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	19.641.874,53	13.770.366,16	13.993.742,93
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	35.761,94	28.151,05	24.129,71
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm	35.840,20	30.655,61	31.723,28
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm	28.149,36	24.126,82	21.439,31
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị quỹ (b)	27,04	16,67	-18,08
9.1	Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá trong năm) (b)	27,49	17,08	-17,84
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện trong năm) (b)	-0,45	-0,41	-0,24
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (c)	-	-	-
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (c)	-	-	-
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (c)	-	-	-
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,22	2,23	2,24
14	Tốc độ vòng quay danh mục trong năm (%)	20,99	10,40	17,30

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Phần phân tách tăng trưởng / 1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập / 1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn / 1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

(c) Quỹ chưa phân phối lợi nhuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

<i>Giai đoạn</i>	<i>Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị quỹ (%)</i>	<i>Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ (%)</i>
1 năm (từ 1/1/2024 đến 31/12/2024)	27,04	16,48
3 năm (từ 1/1/2022 đến 31/12/2024)	21,42	-12,76
3 năm (bình quân năm)	6,68	-4,45
Từ khi thành lập	257,62	126,81
Từ khi thành lập (bình quân năm)	13,08	8,22

4. Tăng trưởng hàng năm

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2024 (%)</i>	<i>Năm 2023 (%)</i>	<i>Năm 2022 (%)</i>
Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ /1 đơn vị quỹ	27,04	16,67	-18,08

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

1. Kinh tế vĩ mô

Tăng trưởng GDP đạt mức tăng trưởng 7,1% cho cả năm 2024, tương đương với mức tăng trưởng của những năm 2018 và 2019 trước dịch Covid:

- ▶ Khu vực Công nghiệp và Xây dựng (chiếm 37,6% GDP) tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2023 (tăng 3,7%), nhờ sự tăng trưởng của ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo, tăng 9,8% trong năm 2024 cao hơn so với mức tăng 6,0% của ba năm liền trước, và sự hỗ trợ của ngành Xây dựng, tăng 7,9% (2023: 7,1%), trong khi ngành Khai khoáng tiếp tục suy yếu xuống mức -7,2% từ mức -3,2% của năm ngoái do sản lượng khai thác dầu thô và khí tự nhiên giảm.
- ▶ Khu vực Dịch vụ (42,4% GDP) vẫn tiếp tục đà phục hồi, tăng 7,4% so với cùng kỳ trong năm 2024, đóng góp 49,5% vào tổng mức tăng trưởng GDP.
- ▶ Khu vực Nông, lâm ngư nghiệp (11,9% GDP) tăng 3,3% so với cùng kỳ và đóng góp 5,4% vào tổng mức tăng trưởng GDP.
- ▶ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng trưởng 9,0% so với cùng kỳ năm trước tính theo giá hiện hành và tăng 5,9% tính theo giá trị thực, đều giảm so với mức tăng trưởng lần lượt là 9,4% và 6,8% trong năm 2023.
- ▶ Chỉ số PMI giảm trở lại dưới mức 50 điểm, đạt 49,8 điểm trong tháng 12. Sau khi phục hồi từ mức 47,3 điểm do ảnh hưởng của bão Yagi vào tháng 9, lượng đơn đặt hàng mới và đơn đặt hàng xuất khẩu đã chậm lại trong tháng 12.
- ▶ Xuất khẩu ghi nhận số lượng đơn đặt hàng cao hơn, tăng 14,3% so với cùng kỳ trong 2024, hầu hết các nhóm hàng đều tăng trưởng tốt, dẫn đầu là thiết bị điện tử (tăng 26,6% so với cùng kỳ) và máy móc (tăng 21,0% so với cùng kỳ).
- ▶ Lạm phát ở mức 3,6% và duy trì dưới ngưỡng 4,0% được Chính phủ đề ra từ đầu năm.

VNĐ giảm so với USD trong quý 4 và đảo ngược sự tăng giá của VNĐ trong quý 3 khiến VNĐ giảm 5,0% so với USD cho cả năm 2024. Tuy nhiên, cán cân vốn tốt đã giúp NHNN giảm thiểu tác động của việc đồng USD mạnh lên nhiều trong quý cuối năm, thể hiện bằng chỉ số DXY, chỉ số đo lường sức mạnh đồng USD theo trọng số thương mại, tăng 7,1% so với cuối năm 2023.

12. /
TY
IUU
OL
4N
/C

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

2. Thị trường cổ phiếu

VN-Index tăng 12,1% trong năm 2024, vượt trội so với PCOMP của Philippines (+1,2%), SET của Thái Lan (-1,1%) và JCI của Indonesia (-2,7%), nhưng thấp hơn FBMEMAS của Malaysia (+16,3%) và SHCOMP của Trung Quốc (+12,7%).

Giá trị giao dịch trung bình hàng ngày tăng 13,4% so với năm trước, đạt 830 triệu USD. Nhưng thanh khoản chậm lại đáng kể vào nửa cuối năm do thị trường chủ yếu đi ngang, hạn chế cơ hội giao dịch ngắn hạn và làm giảm sự tham gia của nhà đầu tư cá nhân. Lực bán ròng từ khối ngoại cũng gây áp lực lên tâm lý thị trường. Nhà đầu tư nước ngoài rút ròng 3,7 tỷ USD trong năm 2024, tăng mạnh so với 944 triệu USD năm 2023, chủ yếu do lộ trình cắt giảm lãi suất của FED chậm hơn dự báo và đồng USD mạnh lên.

Cổ phiếu vốn hóa lớn dẫn dắt thị trường khi VN30 tăng 18,9%, vượt xa VN70 đại diện cho nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa (+9,9%) và VN50 đại diện cho nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ (+5,8%), đảo ngược xu hướng năm 2023 khi nhóm vốn hóa vừa và nhỏ chiếm ưu thế.

Trong 11 nhóm ngành GICS, 10 nhóm ghi nhận mức tăng. Công nghệ thông tin dẫn đầu (+75,5%), với động lực từ FPT Corp (HSX: FPT, +85,0%), được hưởng lợi từ tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ và mở rộng hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực AI. Ngành Hàng tiêu dùng không thiết yếu (+31,6%) phục hồi nhờ điều kiện kinh tế cải thiện và niềm tin người tiêu dùng tăng lên. Ngành Tài chính (+20,4%) được hưởng lợi từ nhu cầu tín dụng cao hơn, triển vọng biên lãi ròng (NIM) cải thiện và áp lực nợ xấu (NPL) giảm trong bối cảnh kinh tế và thị trường bất động sản phục hồi. Bất động sản (-5,6%) là nhóm duy nhất giảm điểm, khi các doanh nghiệp lớn như Vingroup (HSX: VIC, -9,1%) và Vinhomes (HSX: VHM, -7,4%) chịu áp lực bán do lo ngại về những khoản hỗ trợ tài chính cho VinFast.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ (a)	-0,45	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ (a)	27,49	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị quỹ	27,04	13,08
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng

(a) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VNĐ	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	702.431.588.631	387.650.368.858	81,20
Giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ	35.761,94	28.151,05	27,04

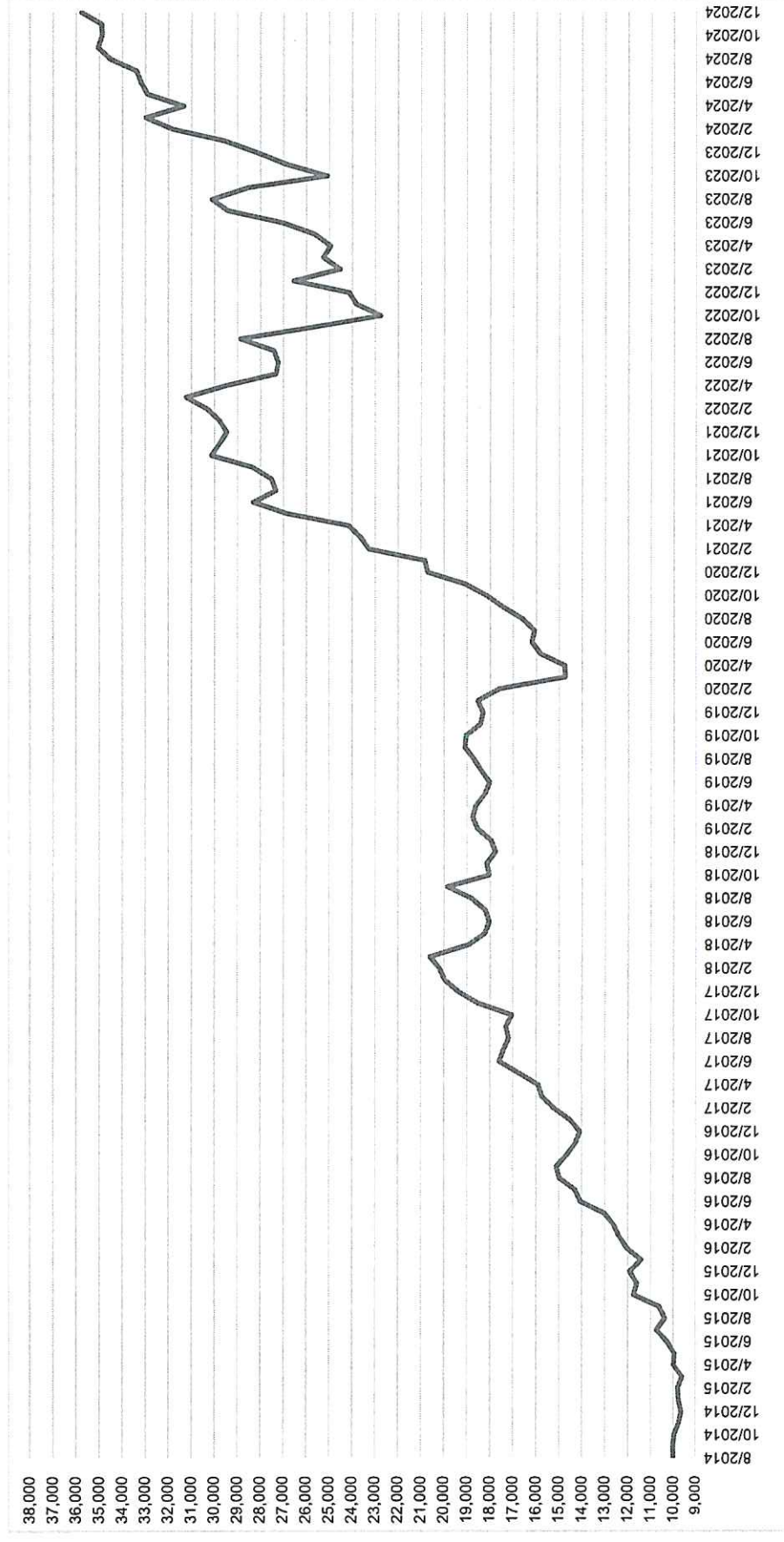
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ hàng tháng của Quỹ:



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	11.600	4.521.385,44	23,02
Từ 5.000 đến 10.000	280	1.949.606,98	9,93
Từ 10.000 đến 50.000	250	4.747.975,96	24,17
Từ 50.000 đến 500.000	35	4.031.231,31	20,52
Trên 500.000	3	4.391.674,84	22,36
Tổng cộng	12.168	19.641.874,53	100,00

3. Chi phí ngầm và giảm giá: Không có

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ duy trì đà tăng trưởng cao trong năm 2025. Triển vọng của khu vực sản xuất, một trong những động lực tăng trưởng chính trong năm 2024 vẫn rất khả quan. Xuất khẩu được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng mặc dù ở tốc độ chậm hơn do hiệu ứng nền thấp đã không còn. Trên thế giới, ngân hàng trung ương ở các nền kinh tế lớn đã cắt giảm lãi suất và điều này sẽ tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế thế giới. Bên cạnh đó, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành sản xuất vẫn rất khả quan và các dự án mới này khi đi vào hoạt động sẽ tạo ra giá trị xuất khẩu gia tăng. Hơn nữa, điều quan trọng là Chính phủ đã rất tích cực cải thiện môi trường kinh doanh để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và khuyến khích đầu tư mới, đặc biệt là các khoản đầu tư vào các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao. Chính phủ cũng đang rất quyết tâm đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng và điều này không chỉ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn mà còn giúp Việt Nam nâng cao lợi thế cạnh tranh trong thu hút vốn FDI trong trung và dài hạn. Khu vực dịch vụ, một động lực tăng trưởng quan trọng khác trong năm 2024 cũng có triển vọng khả quan. Ngành du lịch đã có một năm 2024 thăng hoa và tiếp tục đặt mục tiêu đầy tham vọng là đón 22 đến 23 triệu khách du lịch quốc tế trong năm 2025, tương đương mức tăng trưởng từ 25,0% đến 30,7% so với năm trước.

Tiêu dùng trong nước, vốn còn khá trì trệ trong năm 2024, được dự báo sẽ tăng tốc và đóng góp nhiều hơn vào tăng trưởng chung của nền kinh tế trong năm 2025. Chính phủ sẽ duy trì chính sách tiền tệ mở rộng như hiện nay để hỗ trợ nền kinh tế, đặc biệt khi lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát. Áp lực tỷ giá đã gia tăng trong quý 4 2024, sau khi dữ liệu vĩ mô cho thấy nền kinh tế Mỹ vẫn rất vững vàng. Ngoài ra, thị trường cũng lo ngại rằng chính sách về thuế quan, tài khóa, và nhập cư của tổng thống Mỹ Donald Trump có thể dẫn đến áp lực lạm phát dai dẳng và đồng USD duy trì sức mạnh. Tuy nhiên, vì lãi suất điều hành ở Mỹ hiện nay (4,25%-4,5%) vẫn còn khá cao trong khi áp lực lạm phát đã giảm đáng kể (chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân PCE tháng 12: +2,6% so với cùng kỳ), nên có khả năng Fed sẽ tiếp tục cắt giảm lãi suất trong năm 2025 để tránh khả năng thị trường lao động ở Mỹ suy yếu thêm. Bên cạnh đó, đồng nội tệ VNĐ cũng sẽ được hỗ trợ bởi dòng vốn FDI và thặng dư thương mại. Cuối cùng, sự phục hồi của khu vực sản xuất công nghiệp sẽ giúp người dân lạc quan hơn về triển vọng công việc và từ đó tự tin hơn trong các quyết định chi tiêu.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Kế hoạch áp thuế của tổng thống Mỹ có khả năng gây rủi ro cho xuất khẩu của Việt Nam vì Mỹ có thâm hụt thương mại lớn với Việt Nam (104,6 tỷ đô la Mỹ vào năm 2024). Tuy nhiên, có cơ sở để kỳ vọng rằng Việt Nam có thể tránh được hoặc ít nhất là giảm thiểu rủi ro này. Thứ nhất, điều quan trọng cần lưu ý là ông Donald Trump sử dụng thuế quan như một công cụ đàm phán cho cả mục tiêu kinh tế và chính trị. Điều đó giải thích vì sao ông Donald Trump dọa sẽ đánh thuế các sản phẩm nhập khẩu từ Canada và Mexico và áp dụng thuế quan bổ sung 10% đối với các sản phẩm từ Trung Quốc nhằm giải quyết nạn buôn bán ma túy và nhập cư bất hợp pháp vào Mỹ từ các quốc gia này. Rõ ràng là Mỹ không có các bất đồng như vậy với Việt Nam. Thứ hai, chi phí lao động ở Mỹ và Việt Nam chênh lệch rất lớn và do đó các doanh nghiệp sẽ không có lợi khi di dời các mảng kinh doanh thâm hụt lao động lớn về Mỹ. Trong một kịch bản tích cực hơn, Việt Nam có thể hưởng lợi nếu thuế suất Mỹ áp dụng lên hàng hóa nhập khẩu từ các quốc gia khác cao hơn thuế suất áp dụng lên hàng hóa từ Việt Nam.

Điều kiện vĩ mô hiện nay là thuận lợi cho kênh đầu tư cổ phiếu. Lợi nhuận của doanh nghiệp được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng. Trong năm 2024, tổng lợi nhuận của các công ty trong VN-Index tăng 17,6% so với cùng kỳ năm trước. Theo tổng hợp dự báo của thị trường, lợi nhuận năm 2025 của các công ty trong chỉ số VN-Index sẽ tăng 19,5% so với cùng kỳ. Định giá cổ phiếu hiện nay ở mức thấp và sẽ trở nên hấp dẫn hơn với hệ số P/E năm 2024 là 12,4 lần và dự phóng năm 2025 là 10,3 lần, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình trong 10 năm qua là 15,7 lần¹. Triển vọng thị trường chứng khoán được nâng hạng vào năm 2025 là một yếu tố tích cực khác. Thị trường kỳ vọng tổ chức FTSE sẽ nâng hạng chứng khoán Việt Nam lên thị trường mới nổi thứ cấp vào năm 2025 sau khi yêu cầu nhà đầu tư tổ chức nước ngoài phải ký quỹ 100% trước khi giao dịch được gỡ bỏ. Theo đại diện FTSE, sau khi được nâng hạng, thị trường chứng khoán Việt Nam có thể thu hút ngay khoảng 1 tỷ USD từ các quỹ thụ động.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện quỹ, và Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

¹ VCBF tổng hợp số liệu từ nhiều nguồn

TRÁI
ERI
VN



BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF (“Quỹ” hoặc “VCBF-BCF”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan, cụ thể như sau:

Theo Điểm e, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98”) và Điều 10, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ, trừ trường hợp quỹ trái phiếu.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.

Tại kỳ định giá ngày 11 tháng 01 năm 2024, từ kỳ định giá ngày 23 tháng 01 năm 2024 đến kỳ định giá ngày 15 tháng 02 năm 2024, tại ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại kỳ định giá ngày 12 tháng 03 năm 2024 và tại kỳ định giá ngày 19 tháng 03 năm 2024, tỷ lệ đầu tư vào các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ do biến động giá thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ và Quỹ thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư dẫn tới tỷ lệ tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư trên tổng giá trị tài sản của Quỹ đã bị ảnh hưởng.

Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định trong thời gian cho phép.

Tại các kỳ định giá khác trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Điểm e, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 10, Điều lệ Quỹ.

- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ, Sổ tay định giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.





- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quý không thực hiện phân phối lợi nhuận và không chi trả cổ tức cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT****Nguyễn Thuỳ Linh****Phó phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ****Vũ Minh Hiền****Nhân viên phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ**



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12906608/68287893

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF ("Quỹ") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 18 đến trang 65, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ban Điều hành của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Tiên Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2025-004-1

Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3847-2021-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
01	I. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		135.547.659.482	63.631.218.088
02	1.1 Cổ tức được chia		10.120.080.418	6.804.394.730
03	1.2 Tiền lãi được nhận	13	288.112.464	3.202.258
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	14	21.173.334.983	10.678.821.002
05	1.4 Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	103.966.131.617	46.144.800.098
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		334.069.364	107.145.871
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	15	334.069.364	107.145.871
15	2.2 Chi phí đầu tư khác		-	-
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		12.235.370.688	8.059.255.401
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	23.1	10.742.601.949	6.767.780.052
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	16	246.964.354	178.370.039
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	23.2	253.672.395	211.200.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	23.2	448.800.000	431.513.082
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		132.000.000	132.000.000
20.7	3.6 Chi phí hợp, Đại hội Quỹ mở		135.621.888	63.731.890
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		142.560.000	143.880.000
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	17	133.150.102	130.780.338
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		122.978.219.430	55.464.816.816
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		122.978.219.430	55.464.816.816
31	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		19.012.087.813	9.320.016.718
32	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	5	103.966.131.617	46.144.800.098
40	VI. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		122.978.219.430	55.464.816.816

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Bà Lê Văn
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục


Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc


Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu


Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	41.717.778.151	5.241.729.084
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		41.717.778.151	5.241.729.084
120	2. Các khoản đầu tư thuần		665.519.696.650	383.768.136.050
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	665.519.696.650	383.768.136.050
130	3. Các khoản phải thu	6	755.698.000	947.788.000
131	3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư		-	838.740.000
133	3.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		755.698.000	109.048.000
136	3.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		755.698.000	109.048.000
100	TỔNG TÀI SẢN		707.993.172.801	389.957.653.134
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư		-	820.960.140
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	23.1	426.400.257	-
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		34.911.445	-
316	4. Chi phí phải trả	7	27.000.000	71.280.000
317	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	8	2.552.912.124	922.638.390
318	6. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	9	1.331.289.088	78.466
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	10	1.189.071.256	492.327.280
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		5.561.584.170	2.307.284.276
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẤM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		702.431.588.631	387.650.368.858
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		196.418.745.300	137.703.661.600
412	1.1 Vốn góp phát hành	11	752.253.734.900	646.770.699.300
413	1.2 Vốn góp mua lại	11	(555.834.989.600)	(509.067.037.700)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		168.963.502.745	35.875.586.102
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	12	337.049.340.586	214.071.121.156
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 CHỨNG CHỈ QUỸ	11	35.761,94	28.151,05

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm Chứng chỉ quỹ	Số đầu năm Chứng chỉ quỹ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	19	19.641.874,53	13.770.366,16

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Bà Lê Vân
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục


Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc


Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu


Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B03-QM

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu năm	387.650.368.858	337.665.037.993
II	Thay đổi NAV so với năm trước	122.978.219.430	55.464.816.816
II.1	Trong đó: - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	122.978.219.430	55.464.816.816
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	191.803.000.343	(5.479.485.951)
III.1	Trong đó: - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	346.973.825.399	55.131.941.645
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(155.170.825.056)	(60.611.427.596)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm	702.431.588.631	387.650.368.858

Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 31 tháng 3 năm 2025


 Bà Lê Văn
 Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục


 Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
 Tổng Giám đốc


 Bà Nguyễn Minh Hằng
 Người lập biểu


 Bà Trần Thị Hà Linh
 Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (%)
I	Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ niêm yết	16.342.684		665.519.696.650	94,00
1	ACB	1.102.785	25.800	28.451.853.000	4,02
2	ACV	118.100	125.900	14.868.790.000	2,10
3	BID	477.956	37.550	17.947.247.800	2,53
4	BVH	294.920	50.700	14.952.444.000	2,11
5	BWE	598.944	47.500	28.449.840.000	4,02
6	CTD	202.000	68.700	13.877.400.000	1,96
7	CTG	773.785	37.800	29.249.073.000	4,13
8	CTR	108.900	124.500	13.558.050.000	1,91
9	FPT	449.599	152.500	68.563.847.500	9,68
10	GMD	321.066	65.200	20.933.503.200	2,96
11	HCM	628.320	29.400	18.472.608.000	2,61
12	HPG	1.261.268	26.650	33.612.792.200	4,75
13	MBB	2.250.767	25.100	56.494.251.700	7,98
14	MSN	101.000	70.000	7.070.000.000	1,00
15	MWG	682.440	61.000	41.628.840.000	5,88
16	NCT	59.900	115.200	6.900.480.000	0,97
17	NLG	358.046	36.550	13.086.581.300	1,85
18	PNJ	356.197	97.900	34.871.686.300	4,93
19	PVS	416.831	33.900	14.130.570.900	2,00
20	QNS	308.100	50.000	15.405.000.000	2,18
21	SAB	185.200	55.500	10.278.600.000	1,45
22	STB	1.669.684	36.900	61.611.339.600	8,70
23	TCB	848.000	24.650	20.903.200.000	2,95
24	VHM	285.300	40.000	11.412.000.000	1,61
25	VIB	667.485	19.700	13.149.454.500	1,86
26	VIC	258.595	40.550	10.486.027.250	1,48
27	VNM	366.596	63.400	23.242.186.400	3,28
28	VPB	725.900	19.200	13.937.280.000	1,97
29	VRE	465.000	17.150	7.974.750.000	1,13

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (%)
II	Các tài sản khác			755.698.000	0,11
1	Dự thu cổ tức			755.698.000	0,11
III	Tiền			41.717.778.151	5,89
1	Tiền gửi ngân hàng			41.717.778.151	5,89
1.1	- Tiền gửi thanh toán			41.717.778.151	5,89
IV	Tổng giá trị danh mục			707.993.172.801	100,00

Bà Lê Văn
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục



Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		122.978.219.430	55.464.816.816
02	2. Điều chỉnh cho các khoản giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(104.037.411.617)	(46.152.300.098)
	Trong đó:			
03	Lãi đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(103.966.131.617)	(46.144.800.098)
04	Chi phí trích trước		(71.280.000)	(7.500.000)
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		18.940.807.813	9.312.516.718
20	Tăng các khoản đầu tư		(177.785.428.983)	(2.991.057.602)
06	Giảm/(tăng) phải thu bán chứng khoán đầu tư		838.740.000	(838.740.000)
07	(Tăng)/giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(646.650.000)	371.986.400
10	(Giảm)/tăng phải trả cho người bán		(820.960.140)	820.960.140
11	Tăng/(giảm) phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		426.400.257	(74.709.227)
13	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		34.911.445	(9.822.732)
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		1.630.273.734	781.258.389
15	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		1.331.210.622	78.466
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		27.000.000	-
17	Tăng/(giảm) phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		696.743.976	(124.002.019)
19	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(155.326.951.276)	7.248.468.533
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	11	346.973.825.399	55.131.941.645
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	11	(155.170.825.056)	(60.611.427.596)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		191.803.000.343	(5.479.485.951)
40	III. TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM		36.476.049.067	1.768.982.582

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
50	IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	4	5.241.729.084	3.472.746.502
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		5.241.729.084	3.472.746.502
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		4.319.012.228	3.331.366.501
	Trong đó:			
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		4.319.012.228	3.331.366.501
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ		922.716.856	141.380.001
55	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	4	41.717.778.151	5.241.729.084
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		41.717.778.151	5.241.729.084
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		36.240.800.470	4.319.012.228
	Trong đó:			
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		36.240.800.470	4.319.012.228
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ		5.476.977.681	922.716.856
60	VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG NĂM		36.476.049.067	1.768.982.582


Bà Lê Văn
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục


Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc


Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu


Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 34/GCN-UBCK ngày 12 tháng 5 năm 2014 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 13/GCN-UBCK ngày 22 tháng 8 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 5 năm 2024. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669 lần gần nhất vào ngày 11 tháng 7 năm 2024 (đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.916.400,31 chứng chỉ với tổng giá trị là 59.164.003.100 VNĐ, chiếm 118,33% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 196.418.745.300 VNĐ, tương đương với 19.641.874,53 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ chủ yếu là gia tăng phần vốn gốc trong trung hạn và dài hạn. Việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư của Quỹ cần phải được Nhà đầu tư biểu quyết thông qua theo quy định tại Điều lệ Quỹ, và nếu được chấp thuận, các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch của Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Chiến lược đầu tư

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào một danh mục đa dạng các cổ phiếu niêm yết trên sàn HSX và HNX có giá trị vốn hóa thị trường lớn và có thanh khoản tốt. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hoá thị trường lớn hơn hoặc bằng vốn hóa thị trường của cổ phiếu có vốn hóa nhỏ nhất trong chỉ số VN30 của HSX.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Trong việc tìm kiếm các đặc tính tăng trưởng bền vững, Quỹ đánh giá cơ hội thị trường trong dài hạn và tính cạnh tranh của từng ngành để nhắm đến các công ty đầu ngành và các công ty có triển vọng trở thành công ty đầu ngành. Trong việc đánh giá giá trị của công ty, Quỹ sẽ xem xét liệu giá chứng khoán đã phản ánh đầy đủ mối tương quan giữa cơ hội tăng trưởng bền vững với rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính hay chưa.

Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên tức là từ phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau. Tỷ trọng ngành trong danh mục đầu tư của Quỹ là kết quả của quy trình phân tích cơ bản công ty và vì vậy có thể khác với tỷ trọng ngành trong chỉ số tham chiếu.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV")

NAV của Quỹ phải được xác định hàng tuần vào Ngày Giao Dịch hoặc những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Ba, thứ Năm hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Ba, thứ Năm không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc vào thứ Ba, thứ Năm tiếp theo.

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Luật hiện hành. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc và các hạn mức đầu tư sau:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản gồm: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

B06-QM

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ VCBF - BCF;
- i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - i. Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - ii. Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - iii. Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- k) Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành;
- l) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Khoản (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (i) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- (i) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- (ii) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- (iii) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- (iv) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- (v) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

IAN NG

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư vì các lý do quy định tại điểm (i), (ii), (iii), (iv) nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư như quy định bởi pháp luật hoặc Điều lệ hoặc Bản cáo bạch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận đã có được cho Quỹ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh 3.4*).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VNĐ").

2.5 *Cam kết tuân thủ*

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 *Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Quỹ sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3.2 *Ước tính kế toán*

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ chờ xử lý, tiền gửi phong tỏa, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "*Các khoản đầu tư*". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "*Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận*" trên báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "*Các khoản đầu tư*" trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "*Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư*" trên báo cáo tình hình tài chính.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ (được chi tiết trong sổ tay định giá).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	- Giá thị trường là giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) trên hệ thống giao dịch (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá) hoặc trong các trường hợp khác được chi tiết tại Sổ tay định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế. Trường hợp trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đáo hạn, giá tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế.
7.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế. Trường hợp trái phiếu chính phủ/trái phiếu chính phủ bảo lãnh/trái phiếu chính quyền địa phương đấu thầu đang chờ niêm yết, giá tính theo phương pháp giá mua cộng lãi lũy kế.

50 / C
.CI
N
V
/ 7.
=

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch	- Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá) hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá, sử dụng một trong các phương pháp định giá sau: + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách. Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn cũ.
9.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá
10.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
11.	Cổ phần, phần vốn góp khác	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá của 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF. - Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau: + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách.
12.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = $\text{Max} \{0; (\text{Giá cổ phiếu} - \text{Giá phát hành cổ phiếu mới}) \times \text{tỷ lệ thực hiện quyền}\}$ Trong đó: Tỷ lệ thực hiện quyền = $\frac{\text{Số cổ phiếu được mua}}{\text{Số lượng quyền mua sở hữu}}$
Chứng khoán phái sinh		
13.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá)	Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.
Các tài sản khác		
15.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/lỗ từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

3.5 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến hai (2) số thập phân.

3.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.6.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tòa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn (tiếp theo)

3.6.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "*Lợi nhuận chưa phân phối*".

3.6.3 Lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "*Lợi nhuận chưa phân phối*" vào cuối năm.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

3.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng được thực hiện như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua bán chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.9.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng

Giá dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng bao gồm Giá dịch vụ quản lý quỹ, Giá dịch vụ quản trị quỹ và Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Theo quy định của Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ/năm.

(i) Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ hằng năm tối đa sẽ là 1,9% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Mức giá dịch vụ quản lý quỹ cụ thể sẽ được VCBF công bố tùy theo từng thời điểm trên website của mình.

(ii) Giá dịch vụ quản trị quỹ

Từ sau ngày 1 tháng 7 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 1 năm 2023, thì giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng. Từ ngày 1 tháng 2 năm 2023, giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 31.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

(iii) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.

3.9.2 Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 16.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ giám sát được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.9.3 Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam, chi phí giao dịch và đăng ký chứng khoán... Giá dịch vụ lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.9.4 Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 đồng/giao dịch.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.9.5 Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính

Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ là 36.000.000 đồng một năm, tương đương với 3.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quỹ chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

3.11 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.11 Thuế (tiếp theo)

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư (tiếp theo)

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

3.12 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.13 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.14 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, không bao gồm các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải trả, phải nộp khác.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Quỹ sử dụng phương pháp và các giả định như tại *Thuyết minh 22* để ước tính giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.15 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	36.240.800.470	4.319.012.228
Tiền gửi của nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ	5.476.977.681	922.716.856
	41.717.778.151	5.241.729.084

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06g-QM

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Giá mua VNĐ	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VNĐ	Chênh lệch do đánh giá lại			Giá trị đánh giá lại VNĐ
			Chênh lệch tăng VNĐ	Chênh lệch giảm VNĐ	Chênh lệch tăng thuần VNĐ	
Ngày 31 tháng 12 năm 2024						
Cổ phiếu	471.961.710.330	665.519.696.650	225.784.935.042	(32.226.948.722)	193.557.986.320	665.519.696.650
	<u>471.961.710.330</u>	<u>665.519.696.650</u>	<u>225.784.935.042</u>	<u>(32.226.948.722)</u>	<u>193.557.986.320</u>	<u>665.519.696.650</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2023						
Cổ phiếu	294.176.281.347	383.768.136.050	118.703.464.475	(29.111.609.772)	89.591.854.703	383.768.136.050
	<u>294.176.281.347</u>	<u>383.768.136.050</u>	<u>118.703.464.475</u>	<u>(29.111.609.772)</u>	<u>89.591.854.703</u>	<u>383.768.136.050</u>
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập					<u>103.966.131.617</u>	

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Phải thu từ bán các khoản đầu tư	-	838.740.000
Dự thu cổ tức	755.698.000	109.048.000
	755.698.000	947.788.000

7. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Phí kiểm toán	-	71.280.000
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	27.000.000	-
	27.000.000	71.280.000

8. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

Là khoản tiền nhà đầu tư nộp mua chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

Là khoản tiền đang chờ hoàn thành thủ tục thanh toán cho nhà đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	1.091.763.370	414.447.280
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	37.400.000	37.400.000
Phải trả dịch vụ giám sát	25.679.283	17.600.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	17.508.603	11.000.000
Phải trả dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	5.720.000	880.000
	1.189.071.256	492.327.280

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

11. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Số đầu năm VNĐ</i>	<i>Phát sinh trong năm VNĐ</i>	<i>Số cuối năm VNĐ</i>
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	64.677.069,93	10.548.303,56	75.225.373,49
Giá trị ghi theo mệnh giá	646.770.699.300	105.483.035.600	752.253.734.900
Thặng dư vốn	533.107.436.136	241.490.789.799	774.598.225.935
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	1.179.878.135.436	346.973.825.399	1.526.851.960.835
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	(50.906.703,77)	(4.676.795,19)	(55.583.498,96)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(509.067.037.700)	(46.767.951.900)	(555.834.989.600)
Thặng dư vốn	(497.231.850.034)	(108.402.873.156)	(605.634.723.190)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(1.006.298.887.734)	(155.170.825.056)	(1.161.469.712.790)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	13.770.366,16	5.871.508,37	19.641.874,53
Giá trị vốn góp hiện hành	173.579.247.702	191.803.000.343	365.382.248.045
Lợi nhuận chưa phân phối	214.071.121.156	122.978.219.430	337.049.340.586
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	387.650.368.858		702.431.588.631
Giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ	28.151,05		35.761,94

12. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>Năm nay VNĐ</i>	<i>Năm trước VNĐ</i>
Lợi nhuận đã thực hiện	143.491.354.266	124.479.266.453
Lợi nhuận chưa thực hiện	193.557.986.320	89.591.854.703
	337.049.340.586	214.071.121.156

13. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	<i>Năm nay VNĐ</i>	<i>Năm trước VNĐ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	270.795.431	-
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	17.317.033	3.202.258
	288.112.464	3.202.258

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

14. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay		
	Tổng giá trị bán trong năm VNĐ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VNĐ	Lãi bán chứng khoán trong năm VNĐ
Cổ phiếu	40.556.740.000	19.383.405.017	21.173.334.983
	Năm trước		
	Tổng giá trị bán trong năm VNĐ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VNĐ	Lãi bán chứng khoán trong năm VNĐ
Cổ phiếu	41.964.518.400	31.285.697.398	10.678.821.002

15. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	273.138.854	46.621.606
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	60.835.110	60.262.171
Chi phí thanh toán bù trừ trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	95.400	262.094
	334.069.364	107.145.871

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

15. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, giao dịch của Quỹ thực hiện thông qua các công ty chứng khoán như sau:

STT (1)	Tên công ty chứng khoán (2)	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ (3)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân (%) (7)	Phí giao dịch bình quân trên thị trường (%) (8)
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VNĐ (4)	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VNĐ (5)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong năm (%) (6)=(4)/(5)		
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Không liên quan	47.143.725.000	234.265.260.000	20,12	0,15	0,00 - 0,45
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	Không liên quan	47.715.925.000	234.265.260.000	20,37	0,15	0,00 - 0,45
3	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Có liên quan	30.542.515.000	234.265.260.000	13,04	0,15	0,00 - 0,45
4	Công ty Cổ phần Chứng Khoán MB	Không liên quan	26.900.415.000	234.265.260.000	11,48	0,10	0,00 - 0,45
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Không liên quan	42.225.570.000	234.265.260.000	18,03	0,15	0,00 - 0,45
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	39.737.110.000	234.265.260.000	16,96	0,14	0,00 - 0,45
	Tổng		234.265.260.000		100,00		

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

16. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

	<i>Năm nay</i> <i>VNĐ</i>	<i>Năm trước</i> <i>VNĐ</i>
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	170.963.455	132.000.000
Giá dịch vụ lưu ký cho chứng khoán cơ sở phải trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam	41.460.899	32.070.039
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	34.540.000	14.300.000
	246.964.354	178.370.039

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm nay</i> <i>VNĐ</i>	<i>Năm trước</i> <i>VNĐ</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	120.000.000	120.000.000
Phí thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	7.500.000	7.500.000
Phí ngân hàng	5.650.102	3.280.338
	133.150.102	130.780.338

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ cuối Tháng 12/2023	387.650.368.858	13.770.366,16	28.151,05	
Kỳ 1 Tháng 1/2024	387.627.021.711	13.770.366,16	28.149,36	(1,69)
Kỳ 2 Tháng 1/2024	392.567.513.491	13.795.696,01	28.455,79	306,43
Kỳ 3 Tháng 1/2024	399.271.645.154	13.829.048,65	28.871,95	416,16
Kỳ 4 Tháng 1/2024	398.701.938.104	13.838.532,17	28.810,99	(60,96)
Kỳ 5 Tháng 1/2024	396.686.321.026	13.826.739,09	28.689,79	(121,20)
Kỳ 6 Tháng 1/2024	402.596.371.034	13.858.813,82	29.049,84	360,05
Kỳ 7 Tháng 1/2024	412.329.086.006	13.866.603,48	29.735,40	685,56
Kỳ 8 Tháng 1/2024	409.984.488.450	13.860.376,76	29.579,60	(155,80)
Kỳ 9 Tháng 1/2024	412.798.749.460	13.907.291,56	29.682,18	102,58
Kỳ cuối Tháng 1/2024	422.339.935.065	14.293.593,68	29.547,49	(134,69)
Kỳ 1 Tháng 2/2024	435.605.695.744	14.326.961,60	30.404,61	857,12
Kỳ 2 Tháng 2/2024	440.721.724.064	14.351.169,85	30.709,81	305,20
Kỳ 3 Tháng 2/2024	447.183.826.367	14.391.985,88	31.071,72	361,91
Kỳ 4 Tháng 2/2024	457.499.759.466	14.668.790,23	31.188,64	116,92
Kỳ 5 Tháng 2/2024	458.945.904.544	14.720.909,37	31.176,46	(12,18)
Kỳ cuối Tháng 2/2024	472.449.802.265	14.878.580,12	31.753,68	577,22
Kỳ 1 Tháng 3/2024	471.477.858.685	14.828.393,99	31.795,61	41,93
Kỳ 2 Tháng 3/2024	477.229.324.332	14.828.393,99	32.183,48	387,87
Kỳ 3 Tháng 3/2024	483.833.999.914	15.022.906,37	32.206,41	22,93
Kỳ 4 Tháng 3/2024	471.682.029.924	15.043.887,16	31.353,73	(852,68)
Kỳ 5 Tháng 3/2024	492.650.649.329	15.207.689,01	32.394,83	1.041,10
Kỳ 6 Tháng 3/2024	485.813.317.295	15.293.259,32	31.766,49	(628,34)
Kỳ 7 Tháng 3/2024	489.306.228.992	15.159.214,46	32.277,80	511,31
Kỳ 8 Tháng 3/2024	492.341.631.280	15.247.543,80	32.289,89	12,09
Kỳ 9 Tháng 3/2024	503.732.311.509	15.347.608,76	32.821,55	531,66
Kỳ cuối Tháng 3/2024	507.602.081.102	15.391.775,54	32.978,78	157,23

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 4/2024	507.736.839.006	15.391.775,54	32.987,54	8,76
Kỳ 2 Tháng 4/2024	504.380.344.339	15.514.574,70	32.510,09	(477,45)
Kỳ 3 Tháng 4/2024	494.534.479.483	15.613.137,46	31.674,25	(835,84)
Kỳ 4 Tháng 4/2024	506.421.915.801	15.822.620,08	32.006,19	331,94
Kỳ 5 Tháng 4/2024	492.766.686.943	15.885.396,82	31.020,10	(986,09)
Kỳ 6 Tháng 4/2024	484.963.428.926	15.920.743,27	30.461,10	(559,00)
Kỳ 7 Tháng 4/2024	500.318.162.428	16.037.881,93	31.196,02	734,92
Kỳ cuối Tháng 4/2024	505.042.366.791	16.123.722,49	31.322,93	126,91
Kỳ 1 Tháng 5/2024	505.013.593.049	16.123.722,49	31.321,15	(1,78)
Kỳ 2 Tháng 5/2024	522.007.780.382	16.171.713,42	32.279,06	957,91
Kỳ 3 Tháng 5/2024	529.193.667.022	16.234.662,26	32.596,53	317,47
Kỳ 4 Tháng 5/2024	528.762.527.014	16.381.431,62	32.278,16	(318,37)
Kỳ 5 Tháng 5/2024	547.361.330.700	16.676.171,63	32.822,96	544,80
Kỳ 6 Tháng 5/2024	554.878.133.666	16.733.605,46	33.159,50	336,54
Kỳ 7 Tháng 5/2024	555.175.975.839	16.727.759,09	33.188,90	29,40
Kỳ 8 Tháng 5/2024	557.868.486.647	16.900.053,28	33.009,86	(179,04)
Kỳ 9 Tháng 5/2024	561.340.997.729	17.011.468,47	32.997,79	(12,07)
Kỳ cuối Tháng 5/2024	560.693.054.256	17.041.705,94	32.901,22	(96,57)
Kỳ 1 Tháng 6/2024	571.489.133.465	17.041.705,94	33.534,73	633,51
Kỳ 2 Tháng 6/2024	576.038.696.169	17.155.306,68	33.577,87	43,14
Kỳ 3 Tháng 6/2024	585.553.133.599	17.225.451,16	33.993,48	415,61
Kỳ 4 Tháng 6/2024	595.917.143.088	17.265.946,91	34.514,01	520,53
Kỳ 5 Tháng 6/2024	576.782.345.925	16.964.208,01	33.999,95	(514,06)
Kỳ 6 Tháng 6/2024	584.294.461.670	17.060.002,83	34.249,37	249,42
Kỳ 7 Tháng 6/2024	578.686.346.587	17.249.014,34	33.548,95	(700,42)
Kỳ 8 Tháng 6/2024	586.101.518.208	17.450.639,73	33.586,24	37,29
Kỳ cuối Tháng 6/2024	582.737.096.107	17.562.292,94	33.181,15	(405,09)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1/Tháng 7/2024	587.876.374.383	17.562.292,94	33.473,78	292,63
Kỳ 2/Tháng 7/2024	601.198.000.218	17.746.188,45	33.877,58	403,80
Kỳ 3/Tháng 7/2024	608.713.821.850	17.794.284,65	34.208,38	330,80
Kỳ 4/Tháng 7/2024	606.041.497.866	17.808.560,43	34.030,90	(177,48)
Kỳ 5/Tháng 7/2024	601.957.934.251	17.832.116,37	33.756,95	(273,95)
Kỳ 6/Tháng 7/2024	601.935.940.365	17.853.294,70	33.715,67	(41,28)
Kỳ 7/Tháng 7/2024	600.473.208.816	17.898.010,49	33.549,71	(165,96)
Kỳ 8/Tháng 7/2024	592.700.377.401	17.974.009,59	32.975,41	(574,30)
Kỳ 9/Tháng 7/2024	598.635.842.305	18.013.178,89	33.233,21	257,80
Kỳ Cuối/Tháng 7/2024	603.319.816.896	18.080.455,60	33.368,61	135,40
Kỳ 1/Tháng 8/2024	574.501.306.689	18.151.879,28	31.649,68	(1.718,93)
Kỳ 2/Tháng 8/2024	585.007.787.616	18.114.652,93	32.294,72	645,04
Kỳ 3/Tháng 8/2024	603.174.442.655	18.288.793,25	32.980,54	685,82
Kỳ 4/Tháng 8/2024	604.087.649.585	18.345.358,93	32.928,63	(51,91)
Kỳ 5/Tháng 8/2024	622.164.417.547	18.350.116,81	33.905,20	976,57
Kỳ 6/Tháng 8/2024	632.802.594.498	18.399.237,62	34.392,87	487,67
Kỳ 7/Tháng 8/2024	629.025.660.499	18.354.047,66	34.271,76	(121,11)
Kỳ 8/Tháng 8/2024	628.784.175.348	18.327.989,24	34.307,31	35,55
Kỳ Cuối/Tháng 8/2024	632.080.389.682	18.324.624,74	34.493,49	186,18
Kỳ 1/Tháng 9/2024	627.505.137.289	18.324.624,74	34.243,81	(249,68)
Kỳ 2/Tháng 9/2024	623.871.207.333	18.382.646,26	33.938,05	(305,76)
Kỳ 3/Tháng 9/2024	622.282.612.610	18.435.254,84	33.755,03	(183,02)
Kỳ 4/Tháng 9/2024	617.579.579.399	18.445.594,98	33.481,14	(273,89)
Kỳ 5/Tháng 9/2024	626.308.414.284	18.287.874,40	34.247,19	766,05
Kỳ 6/Tháng 9/2024	632.724.178.067	18.291.155,16	34.591,81	344,62
Kỳ 7/Tháng 9/2024	642.415.616.682	18.264.159,99	35.173,56	581,75
Kỳ Cuối/Tháng 9/2024	639.171.800.556	18.235.354,84	35.051,24	(122,32)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1/Tháng 10/2024	640.087.695.144	18.268.864,43	35.037,08	(14,16)
Kỳ 2/Tháng 10/2024	634.101.322.405	18.315.345,36	34.621,31	(415,77)
Kỳ 3/Tháng 10/2024	643.820.006.101	18.407.672,47	34.975,63	354,32
Kỳ 4/Tháng 10/2024	648.999.684.850	18.465.234,30	35.147,11	171,48
Kỳ 5/Tháng 10/2024	648.110.524.222	18.494.773,88	35.042,90	(104,21)
Kỳ 6/Tháng 10/2024	649.489.977.931	18.519.928,66	35.069,78	26,88
Kỳ 7/Tháng 10/2024	647.115.825.807	18.537.227,24	34.908,98	(160,80)
Kỳ 8/Tháng 10/2024	642.890.161.276	18.615.937,65	34.534,39	(374,59)
Kỳ 9/Tháng 10/2024	649.220.888.611	18.677.041,37	34.760,37	225,98
Kỳ Cuối/Tháng 10/2024	653.810.031.999	18.749.312,62	34.871,14	110,77
Kỳ 1/Tháng 11/2024	645.757.485.279	18.749.312,62	34.441,66	(429,48)
Kỳ 2/Tháng 11/2024	656.682.269.363	18.830.577,35	34.873,18	431,52
Kỳ 3/Tháng 11/2024	654.419.812.071	18.851.362,11	34.714,72	(158,46)
Kỳ 4/Tháng 11/2024	656.554.085.391	18.972.558,46	34.605,45	(109,27)
Kỳ 5/Tháng 11/2024	641.979.545.254	19.040.225,98	33.717,01	(888,44)
Kỳ 6/Tháng 11/2024	642.199.489.400	19.081.471,10	33.655,65	(61,36)
Kỳ 7/Tháng 11/2024	654.089.778.794	19.123.421,68	34.203,59	547,94
Kỳ 8/Tháng 11/2024	661.919.893.900	19.213.900,02	34.450,05	246,46
Kỳ Cuối/Tháng 11/2024	673.343.417.494	19.298.058,53	34.891,76	441,71
Kỳ 1/Tháng 12/2024	671.877.260.101	19.298.058,53	34.815,79	(75,97)
Kỳ 2/Tháng 12/2024	668.815.280.083	19.344.675,18	34.573,61	(242,18)
Kỳ 3/Tháng 12/2024	687.374.311.722	19.415.471,50	35.403,43	829,82
Kỳ 4/Tháng 12/2024	686.782.880.376	19.455.616,50	35.299,98	(103,45)
Kỳ 5/Tháng 12/2024	686.739.516.555	19.471.307,10	35.269,30	(30,68)
Kỳ 6/Tháng 12/2024	687.321.027.402	19.504.637,65	35.238,85	(30,45)
Kỳ 7/Tháng 12/2024	688.269.955.797	19.529.659,09	35.242,29	3,44
Kỳ 8/Tháng 12/2024	699.984.275.426	19.574.825,56	35.759,41	517,12
Kỳ 9/Tháng 12/2024	702.392.432.854	19.597.889,38	35.840,20	80,79
Kỳ Cuối/Tháng 12/2024	702.431.588.631	19.641.874,53	35.761,94	(78,26)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm mức cao nhất
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm mức thấp nhất

(1.718,93)
(1,69)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ cuối Tháng 12/2022	337.665.037.993	13.993.742,93	24.129,71	
Kỳ 1 Tháng 1/2023	337.624.603.150	13.993.742,93	24.126,82	(2,89)
Kỳ 2 Tháng 1/2023	348.625.525.474	13.993.761,91	24.912,92	786,10
Kỳ 3 Tháng 1/2023	351.381.309.399	14.005.436,02	25.088,92	176,00
Kỳ 4 Tháng 1/2023	353.198.816.089	14.015.235,44	25.201,06	112,14
Kỳ 5 Tháng 1/2023	355.853.710.167	14.000.322,67	25.417,53	216,47
Kỳ 6 Tháng 1/2023	367.710.810.091	14.010.916,64	26.244,59	827,06
Kỳ 7 Tháng 1/2023	369.395.931.143	14.013.784,28	26.359,47	114,88
Kỳ 8 Tháng 1/2023	369.311.008.854	14.013.784,28	26.353,41	(6,06)
Kỳ cuối Tháng 1/2023	372.088.518.214	14.017.185,92	26.545,16	191,75
Kỳ 1 Tháng 2/2023	361.678.359.728	14.017.185,92	25.802,49	(742,67)
Kỳ 2 Tháng 2/2023	362.260.542.504	14.032.399,97	25.816,00	13,51
Kỳ 3 Tháng 2/2023	348.518.085.628	13.687.168,27	25.463,12	(352,88)
Kỳ 4 Tháng 2/2023	342.242.413.714	13.693.781,60	24.992,54	(470,58)
Kỳ 5 Tháng 2/2023	342.066.544.221	13.681.983,68	25.001,23	8,69
Kỳ 6 Tháng 2/2023	357.271.134.670	13.683.992,11	26.108,69	1.107,46
Kỳ 7 Tháng 2/2023	347.011.609.439	13.686.310,98	25.354,64	(754,05)
Kỳ 8 Tháng 2/2023	334.410.476.898	13.684.368,90	24.437,40	(917,24)
Kỳ cuối Tháng 2/2023	335.813.273.754	13.694.264,21	24.522,18	84,78
Kỳ 1 Tháng 3/2023	343.097.906.369	13.694.264,21	25.054,13	531,95
Kỳ 2 Tháng 3/2023	338.074.487.807	13.707.013,88	24.664,34	(389,79)
Kỳ 3 Tháng 3/2023	344.481.082.346	13.705.031,04	25.135,37	471,03
Kỳ 4 Tháng 3/2023	342.528.001.038	13.707.014,97	24.989,24	(146,13)
Kỳ 5 Tháng 3/2023	346.295.854.220	13.707.748,45	25.262,78	273,54
Kỳ 6 Tháng 3/2023	334.322.429.963	13.710.284,62	24.384,79	(877,99)
Kỳ 7 Tháng 3/2023	338.176.987.582	13.696.055,55	24.691,56	306,77
Kỳ 8 Tháng 3/2023	341.461.101.449	13.691.550,06	24.939,55	247,99
Kỳ 9 Tháng 3/2023	342.148.383.065	13.698.248,68	24.977,52	37,97
Kỳ cuối Tháng 3/2023	345.771.157.509	13.687.274,68	25.262,23	284,71

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 4/2023	350.932.093.360	13.687.274,68	25.639,29	377,06
Kỳ 2 Tháng 4/2023	351.614.777.677	13.692.947,12	25.678,53	39,24
Kỳ 3 Tháng 4/2023	347.978.519.657	13.707.100,90	25.386,73	(291,80)
Kỳ 4 Tháng 4/2023	348.801.218.602	13.695.918,99	25.467,52	80,79
Kỳ 5 Tháng 4/2023	342.863.644.881	13.626.110,01	25.162,25	(305,27)
Kỳ 6 Tháng 4/2023	341.200.244.349	13.611.359,97	25.067,31	(94,94)
Kỳ 7 Tháng 4/2023	339.823.580.175	13.597.992,11	24.990,71	(76,60)
Kỳ 8 Tháng 4/2023	338.653.712.132	13.599.533,21	24.901,86	(88,85)
Kỳ cuối Tháng 4/2023	339.218.390.752	13.599.797,50	24.942,90	41,04
Kỳ 1 Tháng 5/2023	339.155.722.516	13.599.797,50	24.938,29	(4,61)
Kỳ 2 Tháng 5/2023	340.320.078.030	13.600.614,54	25.022,40	84,11
Kỳ 3 Tháng 5/2023	343.479.473.290	13.603.717,01	25.248,94	226,54
Kỳ 4 Tháng 5/2023	346.569.871.582	13.582.454,14	25.515,99	267,05
Kỳ 5 Tháng 5/2023	345.821.415.859	13.586.429,60	25.453,44	(62,55)
Kỳ 6 Tháng 5/2023	349.074.464.777	13.570.473,19	25.723,08	269,64
Kỳ 7 Tháng 5/2023	345.612.104.248	13.567.508,01	25.473,51	(249,57)
Kỳ 8 Tháng 5/2023	347.567.333.837	13.548.604,47	25.653,36	179,85
Kỳ cuối Tháng 5/2023	345.771.803.578	13.489.243,17	25.633,15	(20,21)
Kỳ 1 Tháng 6/2023	351.977.139.223	13.497.131,44	26.077,92	444,77
Kỳ 2 Tháng 6/2023	356.119.778.834	13.508.349,58	26.362,93	285,01
Kỳ 3 Tháng 6/2023	356.121.378.543	13.477.663,52	26.423,07	60,14
Kỳ 4 Tháng 6/2023	355.683.891.589	13.483.091,66	26.379,99	(43,08)
Kỳ 5 Tháng 6/2023	356.302.213.236	13.480.504,37	26.430,92	50,93
Kỳ 6 Tháng 6/2023	362.279.076.480	13.482.601,21	26.870,11	439,19
Kỳ 7 Tháng 6/2023	366.173.258.315	13.480.223,78	27.163,73	293,62
Kỳ 8 Tháng 6/2023	369.207.910.702	13.491.128,34	27.366,71	202,98
Kỳ cuối Tháng 6/2023	364.988.372.249	13.510.200,68	27.015,76	(350,95)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1/Tháng 7/2023	366.145.265.448	13.510.200,68	27.101,39	85,63
Kỳ 2/Tháng 7/2023	370.025.049.263	13.527.258,97	27.354,03	252,64
Kỳ 3/Tháng 7/2023	374.005.593.496	13.543.504,81	27.615,12	261,09
Kỳ 4/Tháng 7/2023	377.493.216.079	13.538.686,69	27.882,55	267,43
Kỳ 5/Tháng 7/2023	383.480.145.598	13.562.875,61	28.274,25	391,70
Kỳ 6/Tháng 7/2023	382.158.786.175	13.558.307,45	28.186,31	(87,94)
Kỳ 7/Tháng 7/2023	389.382.542.681	13.503.960,49	28.834,69	648,38
Kỳ 8/Tháng 7/2023	389.512.952.543	13.498.080,07	28.856,91	22,22
Kỳ Cuối/Tháng 7/2023	397.207.492.123	13.507.574,45	29.406,27	549,36
Kỳ 1/Tháng 8/2023	392.861.449.241	13.461.690,67	29.183,66	(222,61)
Kỳ 2/Tháng 8/2023	401.426.296.806	13.478.858,75	29.781,92	598,26
Kỳ 3/Tháng 8/2023	399.572.466.710	13.450.676,85	29.706,49	(75,43)
Kỳ 4/Tháng 8/2023	400.644.993.970	13.451.583,33	29.784,22	77,73
Kỳ 5/Tháng 8/2023	403.427.737.776	13.423.578,50	30.053,66	269,44
Kỳ 6/Tháng 8/2023	385.070.796.067	13.430.345,11	28.671,69	(1.381,97)
Kỳ 7/Tháng 8/2023	381.642.932.730	13.407.914,76	28.464,00	(207,69)
Kỳ 8/Tháng 8/2023	394.353.507.332	13.420.338,27	29.384,76	920,76
Kỳ 9/Tháng 8/2023	402.152.311.323	13.431.542,05	29.940,88	556,12
Kỳ Cuối/Tháng 8/2023	404.568.027.363	13.437.570,48	30.107,23	166,35
Kỳ 1/Tháng 9/2023	404.470.605.993	13.437.570,48	30.099,98	(7,25)
Kỳ 2/Tháng 9/2023	412.214.215.775	13.446.615,01	30.655,61	555,63
Kỳ 3/Tháng 9/2023	401.634.578.835	13.380.210,91	30.017,05	(638,56)
Kỳ 4/Tháng 9/2023	406.321.751.579	13.366.318,18	30.398,92	381,87
Kỳ 5/Tháng 9/2023	400.445.214.809	13.369.307,74	29.952,57	(446,35)
Kỳ 6/Tháng 9/2023	406.422.236.659	13.381.229,02	30.372,56	419,99
Kỳ 7/Tháng 9/2023	383.065.254.149	13.389.391,32	28.609,60	(1.762,96)
Kỳ 8/Tháng 9/2023	384.947.535.014	13.409.484,23	28.707,10	97,50
Kỳ Cuối/Tháng 9/2023	385.110.696.795	13.492.244,40	28.543,11	(163,99)



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1/Tháng 10/2023	385.544.749.162	13.492.244,40	28.575,28	32,17
Kỳ 2/Tháng 10/2023	378.144.789.145	13.524.281,49	27.960,43	(614,85)
Kỳ 3/Tháng 10/2023	382.748.893.924	13.521.826,40	28.306,00	345,57
Kỳ 4/Tháng 10/2023	389.548.020.585	13.576.948,01	28.691,86	385,86
Kỳ 5/Tháng 10/2023	385.532.777.074	13.593.990,12	28.360,53	(331,33)
Kỳ 6/Tháng 10/2023	372.350.214.605	13.602.842,15	27.372,97	(987,56)
Kỳ 7/Tháng 10/2023	370.320.733.385	13.610.408,54	27.208,64	(164,33)
Kỳ 8/Tháng 10/2023	371.898.690.045	13.631.446,02	27.282,40	73,76
Kỳ 9/Tháng 10/2023	351.378.309.132	13.661.761,95	25.719,83	(1.562,57)
Kỳ Cuối/Tháng 10/2023	342.727.144.263	13.660.470,60	25.088,97	(630,86)
Kỳ 1/Tháng 11/2023	346.236.399.298	13.660.470,60	25.345,86	256,89
Kỳ 2/Tháng 11/2023	365.187.871.678	13.692.267,41	26.671,10	1.325,24
Kỳ 3/Tháng 11/2023	375.355.385.021	13.727.734,58	27.342,84	671,74
Kỳ 4/Tháng 11/2023	373.919.915.652	13.743.021,83	27.207,98	(134,86)
Kỳ 5/Tháng 11/2023	380.597.350.454	13.758.509,79	27.662,68	454,70
Kỳ 6/Tháng 11/2023	373.587.386.072	13.767.483,73	27.135,48	(527,20)
Kỳ 7/Tháng 11/2023	377.668.790.541	13.800.219,11	27.366,86	231,38
Kỳ 8/Tháng 11/2023	367.680.092.517	13.802.634,70	26.638,39	(728,47)
Kỳ 9/Tháng 11/2023	373.154.381.88s0	13.792.715,71	27.054,45	416,06
Kỳ Cuối/Tháng 11/2023	369.408.826.028	13.755.049,24	26.856,23	(198,22)
Kỳ 1/Tháng 12/2023	377.098.163.165	13.755.049,24	27.415,25	559,02
Kỳ 2/Tháng 12/2023	379.680.862.175	13.793.450,85	27.526,16	110,91
Kỳ 3/Tháng 12/2023	380.856.657.130	13.804.959,57	27.588,39	62,23
Kỳ 4/Tháng 12/2023	377.148.486.807	13.802.437,17	27.324,77	(263,62)
Kỳ 5/Tháng 12/2023	370.182.465.409	13.804.916,12	26.815,26	(509,51)
Kỳ 6/Tháng 12/2023	377.102.708.128	13.824.178,17	27.278,49	463,23
Kỳ 7/Tháng 12/2023	384.345.150.154	13.837.232,71	27.776,15	497,66
Kỳ 8/Tháng 12/2023	385.189.015.196	13.811.067,88	27.889,87	113,72
Kỳ Cuối/Tháng 12/2023	387.650.368.858	13.770.366,16	28.151,05	261,18

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm mức cao nhất

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm mức thấp nhất

(1,762.96)
(2,89)



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

19. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	<i>Số cuối năm (chứng chỉ quỹ)</i>	<i>Số đầu năm (chứng chỉ quỹ)</i>
Đến một năm	19.641.874,53	13.770.366,16

20. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

	<i>Năm nay (%)</i>	<i>Năm trước (%)</i>
Tỷ lệ chi phí hoạt động	2,22	2,23
Tốc độ vòng quay danh mục	20,99	10,40

20.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} \times 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong năm (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

20. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ (tiếp theo)

20.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm})/2}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}} \times 100 (\%)$$

21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

21.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ. Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quỹ là các tài sản tài chính cho thu nhập cố định, có rủi ro lãi suất thấp.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VNĐ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán

Các cổ phiếu niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu của Quỹ là 665.519.696.650 đồng. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 66.551.969.665 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng khoảng 66.551.969.665 đồng.

21.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

21.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc đầu tư đầu tư một tỷ trọng đầu tư hợp lý vào các cổ phiếu có tính thanh khoản cao. Thanh khoản của một cổ phiếu được xem xét theo số ngày cần thiết để thanh toán toàn bộ số cổ phiếu quỹ nắm giữ với giả định giao dịch của quỹ chiếm 10% giao dịch của thị trường.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối năm:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	41.717.778.151	41.717.778.151	5.241.729.084	5.241.729.084
Các khoản đầu tư thuần	665.519.696.650	665.519.696.650	383.768.136.050	383.768.136.050
- Cổ phiếu	665.519.696.650	665.519.696.650	383.768.136.050	383.768.136.050
Các khoản phải thu	755.698.000	755.698.000	947.788.000	947.788.000
	707.993.172.801	707.993.172.801	389.957.653.134	389.957.653.134
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả về mua các khoản đầu tư	-	-	820.960.140	820.960.140
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	426.400.257	426.400.257	-	-
Chi phí phải trả	27.000.000	27.000.000	71.280.000	71.280.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	2.552.912.124	2.552.912.124	922.638.390	922.638.390
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	1.331.289.088	1.331.289.088	78.466	78.466
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	1.189.071.256	1.189.071.256	492.327.280	492.327.280
	5.526.672.725	5.526.672.725	2.307.284.276	2.307.284.276

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu, phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền và cổ phiếu được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.4.*

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

23.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Giá dịch vụ quản lý quỹ	10.742.601.949	6.767.780.052
Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:		
	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	1.091.763.370	414.447.280
Phải trả phí về mua lại chứng chỉ quỹ	426.400.257	-
	1.518.163.627	414.447.280

b) Thủ lao của Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Thù lao của Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quỹ.

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	120.000.000	120.000.000
Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VNĐ
Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	27.000.000	-

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)

23.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Bên liên quan khác	Chủ sở hữu chiếm 49% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ Công ty Quản lý Quỹ	2.500.000,00	12,73	2.500.000,00	18,16
		1.368.027,88	6,97	1.368.027,88	9,93
		206.984,05	1,05	217.982,25	1,58
		4.075.011,93	20,75	4.086.010,13	29,67

11/2/2025 10:00 AM

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

23.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 16.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lưu ký là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ. Theo đó, từ sau ngày 1 tháng 7 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 1 năm 2023, thì giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng; từ ngày 1 tháng 2 năm 2023, giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 31.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ là 36.000.000 đồng một năm, tương đương với 3.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Ngoài ra, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch.

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong năm như sau:

	<i>Năm nay VNĐ</i>	<i>Năm trước VNĐ</i>
Giá dịch vụ quản trị quỹ	448.800.000	431.513.082
Giá dịch vụ giám sát	253.672.395	211.200.000
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	170.963.455	132.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	34.540.000	14.300.000
Lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	17.317.033	3.202.258
Phí ngân hàng	5.650.102	3.280.338

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)

23.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)

Ngân hàng Giám sát (tiếp theo)

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Tiền gửi thanh toán	41.717.778.151	5.241.729.084
Phải trả dịch vụ giám sát	25.679.283	17.600.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	37.400.000	37.400.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	17.508.603	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	5.720.000	880.000

24. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

 Bà Lê Văn Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục	 Bà Nguyễn Thị Hằng Nga Tổng Giám đốc
 Bà Nguyễn Minh Hằng Người lập biểu	 Bà Trần Thị Hà Linh Kế toán Trưởng